

MỘT SỐ GIẢI PHÁP NÂNG CAO HIỆU QUẢ QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG THỰC TẬP CỦA SINH VIÊN CHUYÊN NGÀNH BÁC SĨ ĐA KHOA

Nguyễn Thị Thanh Hiền
Trường Đại học Y Khoa Vinh, Nghệ An, Việt Nam

ARTICLE INFORMATION TÓM TẮT

Journal: Vinh University
Journal of Science
p-ISSN: 3030-4660
Volume: 53
Issue: 1B
***Correspondence:**
hienthanhbms2010@yahoo.com.vn

Received: 22 January 2024
Accepted: 20 February 2024
Published: 20 March 2024

Citation:
Nguyễn Thị Thanh Hiền (2024).
Một số giải pháp nâng cao hiệu
quả quản lý hoạt động thực tập
của sinh viên chuyên ngành Bác
sĩ đa khoa. **Vinh Uni. J. Sci.**
Vol. 53 (1B), pp. 73-85
doi: 10.56824/vujs.2024a011

OPEN ACCESS

Copyright © 2024. This is an
Open Access article distributed
under the terms of the [Creative
Commons Attribution License
\(CC BY NC\)](#), which permits non-
commercially to share (copy and
redistribute the material in any
medium) or adapt (remix,
transform, and build upon the
material), provided the original
work is properly cited.

Bằng các phương pháp nghiên cứu lý luận và thực tiễn, tác giả đã đánh giá sơ bộ thực trạng công tác tổ chức, quản lý và kiểm tra, đánh giá hoạt động thực tập của sinh viên chuyên ngành Bác sĩ đa khoa. Kết quả khảo sát cho thấy số lượng giảng viên quản lý và hướng dẫn thực tập còn mỏng so với số lượng sinh viên thực tập lớn. Việc phổ biến mục tiêu và chương trình thực tập được thực hiện tốt, phân bố thời gian giữa học lý thuyết và thực tập lâm sàng tương đối phù hợp. Thời gian thực tập lâm sàng cần xem xét tăng lên, theo đánh giá của sinh viên. Phương pháp kiểm tra, đánh giá kết quả cần điều chỉnh để đảm bảo tính trung thực, khách quan, công bằng và chính xác. Trên cơ sở đó, 02 nhóm giải pháp đã được đề xuất áp dụng. Kết quả thăm dò các chuyên gia cho thấy tính khả thi của 02 nhóm giải pháp đã đề xuất.

Từ khóa: Bác sĩ đa khoa; thực tập lâm sàng; hiệu quả; quản lý.

1. Giới thiệu

Đất nước ta đang trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa, hội nhập khu vực và thế giới. Việc đào tạo nguồn nhân lực có chất lượng để đáp ứng nhu cầu phát triển của xã hội là một vấn đề cấp thiết. Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XI đã xác định: “Phát triển nhanh nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao, tập trung vào việc đổi mới căn bản và toàn diện nền giáo dục quốc dân” (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2011). “Đối với giáo dục đại học, tập trung đào tạo nhân lực trình độ cao, bồi dưỡng nhân tài, phát triển phẩm chất và năng lực tự học, tự làm giàu tri thức, sáng tạo của người học” (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2011).

Như vậy, đổi mới phương pháp đào tạo trong các trường đại học phải lấy việc phát triển năng lực thực hành, năng lực giải quyết vấn đề của sinh viên làm định hướng. Yêu cầu về thực hành được đặc biệt quan tâm trong một số lĩnh vực đào tạo ở bậc đại học, trong đó có ngành Y. Các nghiên cứu về chương trình đào tạo theo tiếp cận CDIO đã và đang được triển khai mạnh mẽ ở các trường đại học, trong đó chú trọng thực hành, thực tập, rèn luyện các kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp cho sinh viên với sự phối kết hợp của doanh nghiệp (Chu Thị Hà Thanh, Nguyễn Trâm Anh, 2023; Nguyen Thi Thanh Giang, 2023).

Chương trình đào tạo Bác sĩ đa khoa thực hiện mục tiêu đào tạo: Đào tạo những người có y đức, có kiến thức và kỹ năng nghề nghiệp cơ bản về y học để xác định, đề xuất và tham gia giải quyết các vấn đề sức khỏe cá nhân và cộng đồng, có khả năng nghiên cứu khoa học và tự học nâng cao trình độ, đáp ứng nhu cầu bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân (Trường Đại học Y khoa Vinh, 2023).

Thực tập là một yếu tố quan trọng quyết định chất lượng của sinh viên sau khi tốt nghiệp và là một trong những hoạt động chính khóa của nhà trường chiếm thời lượng tương đối lớn và được thực hiện xuyên suốt trong quá trình học tập của sinh viên. Thực tập giúp cho sinh viên củng cố và hiểu sâu hơn về lý thuyết, đồng thời là nền tảng kiến thức cho việc hình thành một cách thành thạo các kỹ năng khám và chữa bệnh sau này. Do vậy việc quản lý hoạt động thực tập của sinh viên là một trong những khâu quan trọng của công tác quản lý đào tạo, đòi hỏi phải thực hiện một cách vừa khoa học và vừa nghệ thuật của người quản lý.

Hiện nay, do nhu cầu chăm sóc sức khỏe nhân dân ngày càng tăng, khoa học kỹ thuật cũng như y học phát triển mạnh, đòi hỏi sinh viên các trường y khoa phải được trang bị các kiến thức, kỹ năng cần thiết và cập nhật để đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của xã hội. Thông qua hoạt động thực tập, sinh viên y khoa sẽ được thực hành những kiến thức đã được trang bị và thực tế nghề nghiệp, góp phần nâng cao chất lượng bác sĩ đa khoa trong tương lai. Việc nghiên cứu giải pháp nâng cao hiệu quả quản lý hoạt động thực tập của sinh viên các trường đại học y khoa là đảm bảo nhu cầu thực tiễn.

2. Đối tượng và phương pháp nghiên cứu

Nghiên cứu đã sử dụng các phương pháp sau:

- Phương pháp nghiên cứu lý luận: Phương pháp này dùng để khái quát hóa, hệ thống hóa những vấn đề lý luận từ tài liệu, sách, báo có liên quan trực tiếp đến vấn đề nghiên cứu nhằm xác định cơ sở lý luận cho việc xác lập một số giải pháp nâng cao hiệu quả quản lý hoạt động thực tập của sinh viên các trường đại học có chuyên ngành bác sĩ đa khoa.

- Phương pháp nghiên cứu thực tiễn:

+ *Phương pháp điều tra giáo dục*: Khảo sát giảng viên và sinh viên chuyên ngành Bác sĩ đa khoa ở các trường có đào tạo bác sĩ đa khoa nhằm thu thập thông tin, số liệu để đánh giá thực trạng về công tác quản lý hoạt động thực tập của sinh viên.

+ *Phương pháp quan sát sự phạm*: Phương pháp này dùng để quan sát các hoạt động của cán bộ quản lý, giảng viên và sinh viên để ghi nhận, thu thập những thông tin phục vụ cho việc đánh giá thực trạng về hoạt động thực tập và quản lý hoạt động thực tập.

+ *Phương pháp chuyên gia*: Phương pháp này dùng để trao đổi, xin ý kiến giảng viên giữ cương vị lãnh đạo, quản lý của các trường đại học có đào tạo bác sĩ đa khoa, các bệnh viện, trung tâm chăm sóc sức khỏe về sự cần thiết và tính khả thi của một số giải pháp nâng cao hiệu quả quản lý hoạt động thực tập của sinh viên.

- Phương pháp thống kê toán học được sử dụng để xử lý các kết quả nghiên cứu.

3. Kết quả nghiên cứu và thảo luận

3.1. Thực tập và hoạt động thực tập của sinh viên ở trường đại học

3.1.1. Thực tập

Thực tập theo định nghĩa của từ điển LaRousse thì đây là giai đoạn học tập, nghiên cứu qua thực tế, được yêu cầu đối với học viên theo học một số nghề (thực tập luật sư, thực tập sư phạm, thực tập y học), cũng là giai đoạn mà một người phải tạm thời đến làm việc tại doanh nghiệp, trường học, bệnh viện... để hoàn tất chương trình đào tạo. Theo Từ điển Tiếng Việt thì thực tập là làm trong thực tế để áp dụng và củng cố kiến thức lý thuyết, trau dồi thêm về nghiệp vụ chuyên môn (Viện Ngôn ngữ học, 2003). Theo Từ điển Giáo dục học: Thực tập là tập làm trong thực tế để áp dụng, nâng cao nghiệp vụ chuyên môn: sinh viên đi thực tập ở nhà máy, sau đợt thực tập phải nộp tổng kết, báo cáo cho nhà trường (Bùi Hiền và cộng sự, 2001).

3.1.2. Thực tập bác sĩ đa khoa

Đối với sinh viên theo học chuyên ngành bác sĩ đa khoa thì thực tập là một yêu cầu bắt buộc được thực hiện từ năm thứ nhất và liên tục cho đến năm thứ sáu. Yêu cầu thực tập, thời lượng thực tập và nội dung thực tập khác nhau trong mỗi môn học, mỗi năm học và những đòi hỏi ngày càng cao hơn.

Thực tập bác sĩ đa khoa về cơ bản được chia làm 2 loại: Thực tập tại các phòng thực tập (labo) trong trường gọi là thực tập cơ sở (TTCS) và thực tập tại các bệnh viện gọi là thực tập lâm sàng (TTLS).

Thực tập cơ sở được xem là các hoạt động học tập theo quý định của sinh viên được tiến hành tại các phòng thí nghiệm tại các bộ môn cơ sở của nhà trường như: mổ xác tại bộ môn Giải phẫu, làm các xét nghiệm sinh hóa tại bộ môn Hóa sinh, xem kính hiển vi tại bộ môn Vi sinh, mổ súc vật tại bộ môn Phẫu thuật thực hành, bộ môn Sinh lý... Tất cả những hoạt động này phần lớn đều do giảng viên của trường phụ trách đó là các Bác sĩ, Dược sĩ, Kỹ thuật viên, Điều dưỡng...

Thực tập lâm sàng: Theo Từ điển Tiếng Việt thì lâm sàng là những gì trực tiếp quan sát được ở người ốm đang ở trên giường bệnh (Viện Ngôn ngữ học, 2003). Trong ngành Y thì “lâm sàng” có nghĩa là giường bệnh do vậy TTLS có nghĩa là thực tập tại giường bệnh hay nói rộng ra là thực tập tại bệnh viện. TTLS là môn học được quy định trong chương trình chính khóa nhưng lại là một hoạt động diễn ra ở ngoài nhà trường. Tùy theo mỗi cấp độ của năm học, mục đích của việc thực tập là học cách tiếp xúc với bệnh nhân, kỹ năng giao tiếp, học cách khám bệnh để phát hiện các triệu chứng đồng thời làm quen và tiến tới thực hành các thao tác điều trị cho bệnh nhân. TTLS là một nội dung thuộc chương trình đào tạo của sinh viên chuyên ngành bác sĩ đa khoa được thực hiện bắt buộc với các cơ sở đào tạo cán bộ y tế. Đây là một môn học có vai trò quan trọng với lao động nghề nghiệp sau này của sinh viên. Là một trong những ngành liên quan trực tiếp đến sinh mạng con người nên TTLS có một vai trò rất quan trọng đối với các sinh viên trong thời gian còn ngồi trên ghế nhà trường cũng như khi đã trở thành một bác sĩ thực thụ.

Sinh viên bắt đầu đi thực tập tại bệnh viện từ năm thứ ba và liên tục cho đến hết năm thứ sáu. Tùy theo mục tiêu thực tập từng đợt, sinh viên được bộ môn phân công xuống các khoa trong bệnh viện và các phòng khám. Sinh viên phải đi thực tập vào tất

cả các buổi sáng, học lý thuyết tại trường vào buổi chiều và trực bệnh viện vào buổi tối theo phân công. Nếu với TTCS phần lớn là các giảng viên của trường hướng dẫn thì TTLS phần lớn là do các bác sĩ trong bệnh viện cùng phối hợp với giảng viên nhà trường hướng dẫn.

Như vậy, bệnh viện là nơi sinh viên thực tập nhằm trau dồi không chỉ về kỹ năng nghề nghiệp mà còn là nơi để sinh viên rèn luyện về y đức để có thể trở thành một thầy thuốc giỏi và có đạo đức nghề nghiệp trong tương lai.

3.1.3. Hoạt động thực tập của sinh viên chuyên ngành bác sĩ đa khoa

Việc đào tạo bồi dưỡng nhân lực cho ngành y tế là vấn đề cấp thiết, trong đó đào tạo đội ngũ bác sĩ đóng góp một phần quan trọng. Hoạt động thực tập trong ở các trường đại học đào tạo chuyên ngành bác sĩ đa khoa bao gồm:

* Thực tập tại các phòng thực hành của nhà trường: với các môn học có phần thực tập tại phòng thực hành của nhà trường, các trường tổ chức để sinh viên được thực tập đúng khối lượng thời gian và nội dung đã quy định. Có thể phân chia các lớp học thành các nhóm nhỏ để sinh viên được trực tiếp thực hiện tại các phòng thực hành. Sinh viên được đánh giá kết quả thực tập bằng điểm hệ số theo quy định và được tính vào điểm tổng kết môn học.

* Thực tập tại bệnh viện: chủ yếu là TTLS, bao gồm:

- Thực hiện các kỹ thuật thăm khám người bệnh theo nội dung các môn học.
- Tuyên truyền giáo dục sức khỏe cho người bệnh và người nhà bệnh nhân.
- Chuẩn bị dụng cụ, phụ giúp thầy thuốc thực hiện các kỹ thuật trong khám chữa bệnh.

- Thời gian trực bệnh viện

- Ghi chép, sắp xếp hồ sơ, sổ sách, thuốc, dụng cụ tại khoa phòng thực tập.

TTLS tại các bệnh viện là phần quan trọng nhất trong chương trình đào tạo bác sĩ đa khoa nhằm hình thành kỹ năng tay nghề và thái độ phục vụ người bệnh.

Thời gian thực tập tại bệnh viện của mỗi phần được bố trí tương ứng với thời điểm các môn học chuyên môn để sinh viên hoàn thành và ứng dụng các kiến thức đã học vào thực tế chăm sóc người bệnh.

* Thực tập tại cộng đồng: Thời gian thực tập tại cộng đồng là 04 tuần (160 giờ) thực hiện vào cuối học kỳ II năm thứ tư và năm thứ năm, được xác định là một môn học kiểm tra có hệ số 2.

- Thực tập cộng đồng 1: Sinh viên đến các cộng đồng dân cư tham quan, quan sát và thực hành để xác định vấn đề sức khỏe ưu tiên, điều tra thu.

thập số liệu, xử lý phân tích số liệu để lập kế hoạch và thực hành giáo dục sức khỏe, viết báo cáo kết quả thực tập cộng đồng.

- Thực tập cộng đồng 2: Sinh viên đến các trạm y tế xã tham quan, quan sát và nhận xét về tình hình nhân lực, cơ sở vật chất, trang thiết bị và thực hiện nhiệm vụ của trạm y tế. Mô tả hệ thống sổ sách báo cáo và thực hành ghi chép thông tin y tế. Thực hiện chẩn đoán cộng đồng và viết báo cáo kết quả thực tập cộng đồng.

* Thực tập tốt nghiệp: Thời gian: 12 tuần vào học kỳ I của năm thứ sáu. Địa điểm: Trạm y tế xã/ phường, Trung tâm y tế huyện, bệnh viện huyện, bệnh viện tỉnh.

3.2. Quản lý hoạt động thực tập của sinh viên ở trường đại học

Quản lý hoạt động thực tập là quá trình vận dụng các chức năng quản lý như: lập kế hoạch, tổ chức, chỉ đạo và kiểm tra một cách sáng tạo để tổ chức, điều hành toàn bộ các hoạt động có liên quan đến việc thực tập. Quản lý hoạt động thực tập cũng bao hàm ý nghĩa tìm ra những giải pháp tốt nhất để thực hiện một cách có hiệu quả nội dung thực tập trên cơ sở đảm bảo những điều kiện thuận lợi giúp sinh viên có thể thực tập tốt và tích lũy thêm được kiến thức, kinh nghiệm cho bản thân. Từ đó, kiến thức đã học được củng cố và nâng cao để sinh viên có thể vững vàng hơn về các kỹ năng cũng như có những nhận thức đúng đắn hơn về nghề nghiệp.

3.3. Thực trạng công tác tổ chức, quản lý và kiểm tra, đánh giá hoạt động thực tập của sinh viên

3.3.1. Mục tiêu và chương trình thực tập

175 sinh viên chuyên ngành Bác sĩ đa khoa đang thực tập tại các bệnh viện trên địa bàn tỉnh Nghệ An, tỉnh Hà Tĩnh và 170 giảng viên hướng dẫn, lãnh đạo các bệnh viện, trung tâm chăm sóc sức khỏe đã được khảo sát lấy ý kiến về mục tiêu và chương trình thực tập sinh viên chuyên ngành bác sĩ đa khoa. Kết quả thể hiện ở Bảng 1.

Kết quả khảo sát cho thấy 77,71% SV cho rằng mục tiêu rất phù hợp với chương trình thực tập, 14,29% là phù hợp và 8% cho rằng chưa phù hợp. Như vậy đa số SV đều có ý kiến mục tiêu phù hợp với chương trình thực tập. Ở đối tượng giảng viên và các lãnh đạo, quản lý các cơ sở khám chữa bệnh, 100% đánh giá mục tiêu phù hợp với chương trình thực tập. Cụ thể: Đa số ý kiến (78,82%) cho rằng mục tiêu rất phù hợp với chương trình thực tập, 21,18% là phù hợp và không có ý kiến nào cho rằng chưa phù hợp.

Bảng 1: Khảo sát về tính phù hợp giữa mục tiêu và chương trình thực tập

Nội dung	Sinh viên		Giảng viên, lãnh đạo, quản lý	
	<i>n</i>	%	<i>n</i>	%
Rất phù hợp	136	77,71	134	78,82
Phù hợp	25	14,29	36	21,18
Chưa phù hợp	14	8	0	0
Tổng cộng	175	100	170	100

3.3.2. Phân bố thời gian giữa học lý thuyết và TTLS

Kết quả khảo sát, thể hiện ở Bảng 2, cho thấy 44,57% SV cho rằng tỷ lệ phân bố thời gian giữa học lý thuyết và TTLS như hiện nay là rất phù hợp, 50,29% cho rằng phù hợp và một số ít SV 5,14% thì cho rằng chưa phù hợp.

Về phía giảng viên, tác giả đã khảo sát lấy ý kiến của 170 giảng viên hướng dẫn, lãnh đạo các bệnh viện, trung tâm chăm sóc sức khỏe. 155 giảng viên thỉnh giảng tại các cơ sở khảo sát cũng được lấy ý kiến. Về phía giảng viên, lãnh đạo, quản lý, kết quả cho thấy 44,71% ý kiến cho rằng tỷ lệ phân bố thời gian giữa học lý thuyết và TTLS như hiện nay là rất phù hợp, 50,59% cho rằng phù hợp và 4,7% thì cho rằng

chưa phù hợp. Tỷ lệ này tương ứng ở giảng viên thỉnh giảng lần lượt là 44,52%; 50,32% và 5,16%. Như vậy đa số đều đánh giá tỷ lệ phân bố thời gian giữa lý thuyết và lâm sàng như hiện nay là phù hợp.

Bảng 2: *Khảo sát về sự phân bố thời gian giữa học lý thuyết và TTLS*

Mức độ	Sinh viên		Giảng viên, lãnh đạo, quản lý		Giảng viên thỉnh giảng	
	<i>n</i>	%	<i>n</i>	%	<i>n</i>	%
Rất phù hợp	78	44,57	76	44,71	69	44,52
Phù hợp	88	50,29	86	50,59	78	50,32
Chưa phù hợp	9	5,14	8	4,7	8	5,16
Tổng cộng	175	100	170	100	155	100

3.3.3. Thời gian thực tập lâm sàng

Thời gian TTLS theo khung chương trình của Bộ Giáo dục - Đào tạo ban hành, tuy nhiên với số tiết của chương trình khung và với nội dung phải thực tập ở các môn học, đa số SV 58.86% cho rằng thời gian thực tập như vậy là chưa đủ, 41,14% cho là vừa phải và không SV nào cho rằng thời gian thực tập như vậy là thừa (Bảng 3). Như vậy thời gian TTLS nhìn chung theo nhận định của đa số SV là còn thiếu.

Bảng 3: *Khảo sát về thời gian thực tập cho các môn học*

Mức độ	Sinh viên		Giảng viên, lãnh đạo, quản lý		Giảng viên thỉnh giảng	
	<i>n</i>	%	<i>n</i>	%	<i>n</i>	%
Thừa	0	0	0	0	0	0
Vừa phải	72	41,14	137	80,59	125	80,65
Còn thiếu	103	58,86	33	19,41	30	19,35
Tổng cộng	175	100	170	100	155	100

Đối với giảng viên, lãnh đạo, quản lý và giảng viên thỉnh giảng, thời lượng TTLS được đánh giá là vừa phải ở tỷ lệ tương đương nhau, khoảng 80%. Không có nhận định là thừa thời lượng TTLS và 19% cho rằng thiếu thời lượng TTLS. Có sự khác biệt trong cách nhận định giữa GV và SV, đa số GV cho là thời lượng như hiện nay là vừa phải thì SV cho là thiếu, một số GV đã lý giải điều này do SV chưa có phương pháp và cũng chưa chủ động tìm kiếm tài liệu nên các em cảm thấy phải tiếp thu một khối lượng lớn kiến thức trong khi thời gian thực tập lại ngắn.

3.3.4. Thực hiện phổ biến đầy đủ mục tiêu thực tập cho sinh viên

Kết quả khảo sát, thể hiện ở Bảng 4, cho thấy tỷ lệ rất cao sinh viên, giảng viên, lãnh đạo, quản lý đánh giá rằng mục tiêu và các chỉ tiêu đều đã được phổ biến đầy đủ cho SV trước khi thực tập. Như vậy SV có thể chuẩn bị kỹ các tài liệu học tập cần thiết để việc TTLS đạt hiệu quả tốt.

Bảng 4: Khảo sát về việc phổ biến đầy đủ mục tiêu thực tập cho SV

Phổ biến đầy đủ mục tiêu thực tập	Sinh viên		Giảng viên, lãnh đạo, quản lý	
	<i>n</i>	%	<i>n</i>	%
Có	171	97,71	167	98,24
Không	4	2,29	3	1,76
Tổng cộng	175	100	170	100

3.3.5. Thực hiện phổ biến đầy đủ chương trình thực tập cho SV

Số đông SV 92,57% khẳng định đã được phổ biến chương trình thực tập trước khi thực tập và một số ít 7,43 % SV trả lời là không. Điều này chứng tỏ đa số SV đều đã được phổ biến về chương trình thực tập trước khi đi TTLS (Bảng 5). Tương tự như vậy, tỷ lệ này ở đối tượng giảng viên, lãnh đạo, quản lý lần lượt là 92,94% và 7,06%.

Bảng 5: Khảo sát về việc phổ biến đầy đủ chương trình thực tập cho SV

Phổ biến đầy đủ chương trình thực tập	Sinh viên		Giảng viên, lãnh đạo, quản lý	
	<i>n</i>	%	<i>n</i>	%
Có	162	92,57	158	92,94
Không	13	7,43	12	7,06
Tổng cộng	175	100	170	100

3.3.6. Phương pháp hướng dẫn thực tập cho SV

Theo nhận định của SV, phương pháp hướng dẫn của giảng viên là phù hợp, đạt tỷ lệ 67,43%. Tỷ lệ đánh giá ở mức cao, rất phù hợp, là 29,71%. Số ít ý kiến đánh giá việc hướng dẫn của giảng viên cần phải điều chỉnh thêm, chiếm tỷ lệ 2,86% (Bảng 6).

Bảng 6: Khảo sát về phương pháp hướng dẫn thực tập cho sinh viên

Nội dung	Sinh viên	
	<i>n</i>	%
Rất phù hợp	52	29,71
Phù hợp	118	67,43
Chưa phù hợp	5	2,86
Tổng cộng	175	100

3.3.7. Phương pháp thực tập của SV

Tác giả đã khảo sát ý kiến của đối tượng giảng viên, lãnh đạo, quản lý, giảng viên thỉnh giảng về phương pháp thực tập của SV. Kết quả thể hiện ở Bảng 7 cho thấy, 51,18% giảng viên, lãnh đạo, quản lý đánh giá phương pháp thực tập của SV là phù hợp, 32,35% đánh giá rất phù hợp và 16,47% đánh giá chưa phù hợp. Tỷ lệ này cũng khá tương đồng ở giảng viên thỉnh giảng với mức độ đánh giá lần lượt là 50,32%; 31,61% và 18,07%.

Bảng 7: Khảo sát về phương pháp thực tập của SV

Nội dung	Giảng viên, lãnh đạo, quản lý		Giảng viên thỉnh giảng	
	<i>n</i>	%	<i>n</i>	%
Rất phù hợp	55	32,35	49	31,61
Phù hợp	87	51,18	78	50,32
Chưa phù hợp	28	16,47	28	18,07
Tổng cộng	170	100	155	100

3.3.8. Phương pháp đánh giá kết quả thực tập của SV

Cuối mỗi đợt thực tập SV phải qua một kỳ kiểm tra để đánh giá kết quả thu được và để đối chiếu lại với mục tiêu thực tập đã đề ra. Tùy theo mục tiêu thực tập của từng đợt, từng năm học mà kỳ kiểm tra có thể là: cách tiếp xúc bệnh nhân, cách khám để phát hiện triệu chứng, cách làm bệnh án, cách chẩn đoán sơ bộ, cách chẩn đoán phân biệt, cách điều trị, cách xử trí những ca cấp cứu... Nhìn chung theo nhận định của SV thì đa số SV cho rằng phương pháp đánh giá cuối đợt thực tập hiện nay phù hợp (58,86%), rất phù hợp (26,29%) và 14,85% SV cho rằng là không phù hợp.

Đa số giảng viên, lãnh đạo, quản lý các cơ sở khám chữa bệnh cho rằng phương pháp đánh giá cuối đợt thực tập là phù hợp, đạt 61,77%, rất phù hợp (25,29%) và 12,94% ý kiến cho rằng không phù hợp. Tỷ lệ tương ứng ở giảng viên thỉnh giảng lần lượt là 62,58%; 25,16% và 12,26% (Bảng 8).

Bảng 8: Khảo sát về phương pháp đánh giá kết quả thực tập của SV

Nội dung	Sinh viên		Giảng viên, lãnh đạo, quản lý		Giảng viên thỉnh giảng	
	<i>n</i>	%	<i>n</i>	%	<i>n</i>	%
Rất phù hợp	46	26,29	43	25,29	39	25,16
Phù hợp	103	58,86	105	61,77	97	62,58
Chưa phù hợp	26	14,85	22	12,94	19	12,26
Tổng cộng	175	100	170	100	155	100

Khi phỏng vấn việc đánh giá hiện nay không phù hợp, các lý do sau đây đã được ghi nhận:

- Chưa đánh giá được kỹ năng và năng lực thực sự của SV đối với các học phần sử dụng hình thức thi viết. Đối với các học phần sử dụng hình thức thi vấn đáp, kỹ năng và năng lực của SV có thể đánh giá được. Tuy nhiên một số SV cho rằng không thực sự công bằng giữa các SV và giữa các nhóm. Nhận xét này khá phù hợp với nhận định của Robert Cannon: “Thi vấn đáp cho phép giám khảo khá tự do thay đổi các câu hỏi tùy theo từng SV và áp đặt thiên kiến cá nhân đều đã được các nghiên cứu chứng minh là có những thiếu sót trầm trọng về tính tin cậy”.

3.3.9. Số lượng giảng viên hướng dẫn TTLS

Kết quả khảo sát (Bảng 9) cho thấy 78,29% SV được hỏi cho rằng số lượng GV hướng dẫn TTLS hiện nay vẫn còn thiếu, có 21,71% cho rằng là vừa đủ và không có ý

kiến nào cho là thừa. Ở nhóm giảng viên, lãnh đạo, quản lý thì 78,82% nhận định số lượng GV hướng dẫn TTLS hiện nay vẫn còn thiếu, có 21,18% cho rằng là vừa đủ và không có ý kiến nào cho là thừa. Tương tự ở nhóm giảng viên thỉnh giảng, các tỷ lệ này lần lượt là 78,71%; 21,29%. Kết quả này đã phản ánh một thực trạng hiện nay về vấn đề thiếu GV quản lý và hướng dẫn TTLS.

3.3.10. Số lượng sinh viên TTLS trong mỗi buổi học

Theo đánh giá của đa số SV (55,43%), số lượng SV thực tập hiện nay là quá đông, điều này hoàn toàn phù hợp với thực tế hiện nay khi đội ngũ GV hướng dẫn TTLS còn thiếu (Bảng 9). Đồng thời để đáp ứng nhu cầu xã hội về nguồn nhân lực chất lượng cao làm việc trong các bệnh viện và cơ sở khám chữa bệnh, số lượng SV theo học các chuyên ngành chăm sóc sức khỏe, y tế ngày càng tăng. Tỷ lệ 33,14% SV được khảo sát cho rằng số lượng SV thực tập hiện nay là đông và chỉ có 11,43% cho rằng số lượng như hiện nay là vừa phải. Như vậy tỷ lệ SV cho rằng số lượng SV thực tập hiện nay ở mức Đông đến Quá đông là gần 90%. Đây là một tỷ lệ rất lớn, nếu không cải thiện tình trạng này thì rất khó khăn cho SV trong việc thực hiện đủ chỉ tiêu TTLS đã đặt ra. Trong bảng thăm dò ý kiến, tác giả đã ghi nhận được tình hình các SV xin đi trực đêm thêm ngoài những buổi đã được phân công để đảm bảo chỉ tiêu thực tập đã đề ra.

Bảng 9: *Khảo sát về số lượng giảng viên hướng dẫn thực tập lâm sàng*

Số lượng giảng viên	Sinh viên		Giảng viên, lãnh đạo, quản lý		Giảng viên thỉnh giảng	
	<i>n</i>	%	<i>n</i>	%	<i>n</i>	%
Thừa	0	0	0	0	0	0
Vừa đủ	38	21,71	36	21,18	33	21,29
Còn thiếu	137	78,29	134	78,82	122	78,71
Tổng cộng	175	100	170	100	155	100

Bảng 10: *Khảo sát về số lượng sinh viên thực tập trong mỗi buổi học*

Nội dung	Sinh viên		Giảng viên, lãnh đạo, quản lý		Giảng viên thỉnh giảng	
	<i>n</i>	%	<i>n</i>	%	<i>n</i>	%
Vừa phải	20	11,43	20	11,77	18	11,61
Đông	58	33,14	56	32,94	50	32,26
Quá đông	97	55,43	94	55,29	87	56,13
Tổng cộng	175	100	170	100	155	100

Tương tự như vậy, theo các giảng viên, lãnh đạo, quản lý các bệnh viện, các cơ sở khám chữa bệnh được khảo sát, số lượng SV thực tập như hiện nay là quá đông (55,29%). Tỷ lệ này ở mức độ đánh giá “đông” là 32,94%, mức độ đánh giá “vừa phải” là 11,77%. Các giảng viên thỉnh giảng đánh giá lần lượt ở các mức độ “quá đông”, “đông” và “vừa phải” lần lượt là 56,13%; 32,26% và 11,61%.

3.4. Một số giải pháp

3.4.1. Xây dựng kế hoạch quản lý hoạt động thực tập

Kế hoạch quản lý hoạt động thực tập được xây dựng từ đầu năm học, trên cơ sở mục tiêu nội dung của chương trình, là bản thiết kế chương trình hành động cụ thể để các GV quản lý hoạt động thực tập một cách có hiệu quả mục tiêu, nội dung chương trình trong một thời gian nhất định. Căn cứ vào năng lực, điều kiện tối thiểu cần thiết của các cơ sở thực tập mà xây dựng kế hoạch quản lý hoạt động thực tập cho các nhóm bảo đảm cho mọi SV đều được thực tập đủ hoặc vượt chỉ tiêu trong chương trình để thực hiện mục tiêu đào tạo của trường đại học. Khi xây dựng kế hoạch quản lý HĐTT phải có sự phối kết hợp giữa cơ sở đào tạo và cơ sở thực tập để lựa chọn phương án tốt nhất, đảm bảo kết quả thực tập theo đúng mục tiêu đã đề ra.

Để xây dựng kế hoạch quản lý hoạt động thực tập, giảng viên ở các trường đại học cần kết hợp với giáo vụ bộ môn, phòng/ban đào tạo và phòng/ban công tác sinh viên, các phòng/ban ở các cơ sở thực tập (bệnh viện, cơ sở khám chữa bệnh...) trong việc lập kế hoạch quản lý chi tiết, đảm bảo không bị chông chéo lịch của các nhóm SV. Đồng thời cần đòi được cơ hội thực tập của các nhóm là đồng đều, tránh tình trạng có nhóm làm không hết việc, nhóm thì chơi.

Lãnh đạo các cơ sở đào tạo cần tham gia giám sát và kiểm tra tiến độ thực tập của SV cùng với phòng/ban đào tạo, GV quản lý thực tập. Thông qua sự kết nối chặt chẽ với cơ sở thực tập, các trường cần tạo ra môi trường gần gũi cho SV, tạo sự tự tin trong việc vận dụng các kiến thức, kỹ năng đã được học ở trường vào thực tế nghề nghiệp. Có thể nói, mối liên hệ vòng tròn nhà trường - sinh viên - bệnh viện đóng vai trò rất quan trọng đến hoạt động thực tập của SV chuyên ngành bác sĩ đa khoa.

3.4.2. Đổi mới công tác kiểm tra, đánh giá hoạt động thực tập

Công tác kiểm tra, đánh giá cần đảm bảo tính trung thực, khách quan, công bằng và chính xác trong đánh giá tiến trình và kết quả hoạt động thực tập của SV, trong đó cần đánh giá theo chuẩn năng lực hành nghề của bác sĩ đa khoa. Năng lực của bác sĩ đa khoa thực tập không phải chỉ là kiến thức lâm sàng, thực hiện kỹ năng của người bác sĩ mà còn là khả năng giải quyết những tình huống đa dạng phát sinh trong quá trình điều trị người bệnh, khả năng ứng xử giao tiếp làm hài lòng người bệnh, hài lòng nhân viên Y tế, khả năng chịu áp lực với cường độ công việc, khả năng chịu đựng với những tác động ngoài ý muốn từ phía người bệnh, người nhà người bệnh, đồng nghiệp. Năng lực này còn nằm ở khả năng sáng tạo, linh động để điều trị của người bệnh trong hoàn cảnh như thiếu thôn nhân lực, phương tiện hoặc sự vôi vĩnh, đòi hỏi quá đáng hay tình huống bệnh tật phức tạp.

Ngoài ra, một số tiêu chí truyền thống cũng cần được đánh giá như thái độ học tập, tinh thần trách nhiệm, tinh thần chấp hành kỷ luật, nội quy ở các cơ sở thực tập. Những tiêu chí này giúp cho người bác sĩ đa khoa rèn luyện tinh thần trách nhiệm, sự chuẩn mực, đó là những đức tính cần có khi hành nghề sau này.

Ở cấp trường đại học, cần thành lập một đoàn kiểm tra cấp trường để có kế hoạch kiểm tra thường xuyên, có thời gian biểu cụ thể cho hoạt động kiểm tra, đối tượng kiểm tra, các vấn đề cần phải kiểm tra. Nội dung kiểm tra bao gồm:

- Kiểm tra thực tế dựa trên các báo cáo về hoạt động chuyên môn theo định kỳ, đặc biệt chú trọng đến các hoạt động giảng dạy về thực tập như: tình hình thực tập của SV qua mỗi đợt, những khó khăn cũng như thuận lợi trong hoạt động giảng dạy và thực tập.

- Kiểm tra các bệnh viện, cơ sở y tế nơi sinh viên thực tập: dựa trên kế hoạch thực tập, nội dung và yêu cầu thực tập, các bản báo cáo từ bộ môn. Nội dung kiểm tra bao gồm: lịch giảng thực tập cho các đối tượng SV có đúng với mục tiêu và yêu cầu, có đúng với tiến trình về mặt thời gian, phương pháp đánh giá sinh viên có phù hợp với nội dung giảng dạy, phương pháp quản lý SV có chặt chẽ và nghiêm túc.

- Kiểm tra sổ nhật ký lâm sàng của SV, ghi nhận những ý kiến phản hồi của SV.

Ở cấp bộ môn, mỗi bộ môn cần thực hiện tốt công tác quản lý giảng dạy. Đối với công tác quản lý thực tập của sinh viên, mỗi bộ môn cần có kế hoạch kiểm tra thường xuyên theo thời gian biểu và có thể là kiểm tra đột xuất. Nội dung kiểm tra bao gồm:

- Phòng vấn trực tiếp hoặc xem sổ nhật ký lâm sàng của SV để có cơ sở đánh giá việc thực hiện nội dung, mục tiêu thực tập.

- Kiểm tra sổ theo dõi và quản lý SV.

- Kiểm tra kế hoạch giảng dạy và quản lý của GV nhà trường cũng như GV thỉnh giảng.

Phương pháp và quy trình kiểm tra đánh giá được đa dạng hóa, đảm bảo nghiêm túc, khách quan, chính xác, công bằng và phù hợp với hình thức đào tạo, hình thức học tập, mục tiêu môn học và đảm bảo mặt bằng chất lượng giữa các hình thức đào tạo; đánh giá được mức độ tích lũy của người học về kiến thức chuyên môn, kỹ năng thực hành và năng lực phát hiện, giải quyết vấn đề.

3.5. Thăm dò sự cần thiết và tính khả thi của các giải pháp

Bảng 11: Kết quả thăm dò sự cần thiết và tính khả thi của các giải pháp đề xuất

Giải pháp	Mức độ cần thiết (số phiếu/Tỷ lệ)			Mức độ khả thi (số phiếu/Tỷ lệ)		
	Rất cần thiết	Cần thiết	Chưa cần thiết	Rất khả thi	Khả thi	Chưa khả thi
Xây dựng kế hoạch quản lý	120	32	0	122	30	0
	79%	21%	0%	80%	20%	0%
Đổi mới công tác kiểm tra, đánh giá	137	15	0	140	12	0
	90%	10%	0%	92%	8%	0%

02 nhóm giải pháp đề xuất nêu trên cần được tham vấn về sự cần thiết và tính khả thi bởi các bên liên quan, bao gồm giảng viên các trường đại học có đào tạo chuyên ngành bác sĩ đa khoa (56 phiếu), lãnh đạo và bác sĩ hướng dẫn thực tập ở các bệnh viện và cơ sở y tế (42 phiếu), lãnh đạo các trường đại học có đào tạo chuyên ngành bác sĩ đa khoa (16 phiếu), giảng viên thỉnh giảng (38 phiếu). Thông quan bảng câu hỏi đã được xây dựng sẵn, tác giả đã lấy ý kiến của các đối tượng khảo sát nêu trên, kết quả thu được thể hiện ở Bảng 11. Kết quả cho thấy:

- Về giải pháp Xây dựng kế hoạch quản lý hoạt động thực tập của SV: Có 79% các chuyên gia cho rằng rất cần thiết và 80% ý kiến cho rằng giải pháp này rất có khả thi.

- Về giải pháp Đổi mới công tác kiểm tra, đánh giá hoạt động thực tập của SV: Có 90% các chuyên gia cho rằng rất cần thiết và 92% ý kiến cho rằng giải pháp này rất có khả thi.

Kết quả thăm dò nêu trên phần nào khẳng định tính cần thiết và khả thi của các giải pháp nâng cao hiệu quả quản lý hoạt động thực tập của SV chuyên ngành bác sĩ đa khoa. Đề khẳng định tính đúng đắn của các nhóm giải pháp trên, cần tiếp tục nghiên cứu thêm sau khi áp dụng vào thực tiễn công tác quản lý hoạt động thực tập của SV các khóa tiếp theo.

4. Kết luận

Bằng các phương pháp nghiên cứu lý luận và thực tiễn, tác giả đã đánh giá sơ bộ thực trạng công tác tổ chức, quản lý và kiểm tra, đánh giá hoạt động thực tập của sinh viên chuyên ngành bác sĩ đa khoa. Kết quả khảo sát cho thấy số lượng giảng viên quản lý và hướng dẫn thực tập còn mỏng so với số lượng sinh viên. Việc phổ biến mục tiêu và chương trình thực tập cho sinh viên được thực hiện tốt, phân bố thời gian giữa học lý thuyết và thực tập tương đối phù hợp. Thời gian thực tập lâm sàng cần xem xét tăng lên, theo đánh giá của sinh viên. Phương pháp kiểm tra, đánh giá kết quả thực tập lâm sàng cần điều chỉnh để đảm bảo tính trung thực, khách quan, công bằng và chính xác. Trên cơ sở đó, 02 nhóm giải pháp đã được đề xuất áp dụng. Kết quả thăm dò các chuyên gia cho thấy tính khả thi của 02 nhóm giải pháp đã đề xuất.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Bùi Hiền và cộng sự (2001). *Từ điển Giáo dục học*. Hà Nội: NXB Từ điển Bách khoa.
- Chu Thị Hà Thanh, Nguyễn Trâm Anh (2023). Khảo sát năng lực nghề nghiệp của sinh viên tốt nghiệp ngành Giáo dục tiểu học, được thụ hưởng Chương trình đào tạo tiếp cận CDIO tại Trường Đại học Vinh. *Tạp chí Khoa học Trường Đại học Vinh*, 52(3C), pp. 49-63. DOI: 10.56824/vujs.2023B027
- Đảng Cộng sản Việt Nam (2011). *Văn kiện Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XI*. Hà Nội: NXB Chính trị Quốc gia.
- Nguyen Thi Thanh Giang (2023). Teching “Organization method of shaping activities for preschool children” according to the CDIO approach. *Vinh University Journal of Science*, 52(2B), pp. 27-33. DOI: 10.56824/vujs.2023b003
- Trường Đại học Y khoa Vinh (2023). *Chương trình giáo dục Bác sĩ đa khoa*. Lưu hành nội bộ.
- Viện Ngôn ngữ học (2003). *Từ điển Tiếng Việt*. NXB Đà Nẵng.

ABSTRACT

SOME SOLUTIONS TO IMPROVE THE EFFICIENCY OF MANAGING INTERNSHIP ACTIVITIES OF STUDENTS MAJORING IN GENERAL PRACTITIONER

Nguyen Thi Thanh Hien

Vinh Medical University, Nghe An, Vietnam

Received on 22/01/2024, accepted for publication on 20/02/2024

Through theoretical and practical research methods, the author has made a preliminary assessment of the current state of organization, management, inspection and evaluation of internship activities of students majoring in General practitioner. Survey results show that the number of teachers managing and guiding internships is still small compared to the large number of interns. The dissemination of goals and internship programs to students is well-performed, the time distribution between theoretical learning and clinical practice is relatively suitable. Clinical internship time needs to be considered increased, according to students' evaluation. Methods of inspection and evaluation of results need to be adjusted to ensure honesty, objectivity, fairness and accuracy. From that result, 02 groups of solutions have been proposed for application. The results of the survey of experts show the feasibility of the two groups of proposed solutions.

Keywords: General practitioner; clinical practice; efficiency; management.